TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁC ÁI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cadá Thị Lính
2. Bà Mẫu Thị Kim Khanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên toà: Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Katơr Thị Ng, sinh năm 1988 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Katơr Thị Ng: Bà Lê Thị Ngọc Thoa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Pinăng L, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Katơr Thị Ng trình bày:

Chị và anh Pinăng L sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó vợ chồng làm ăn sinh sống tại Thôn M, xã P, huyện B cho đến nay, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau. Từ tháng 02/2019 anh L đã bỏ về sống với cha, mẹ ở cùng

thôn M và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị làm đơn yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và L có hai người con chung là cháu Katơr Thị D, sinh ngày 02/4/2004 và cháu Katơr M, sinh ngày 24/8/2011. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Katơr M và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Katơr Thị D đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Katơr Thị Ng, bà Lê Thị Ngọc Thoa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngh, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngh và anh Pinăng L sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó vợ chồng làm ăn sinh sống tại Thôn M, xã P, huyện B cho đến nay, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau. Từ tháng 02/2019 anh L đã bỏ về sống với cha, mẹ ở cùng thôn M và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị Ngh có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Ngh được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Giao cháu Katơr M, sinh ngày 24/8/2011 cho chị Ngh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Ngh được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Katơr Thị D đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bác Ái đã nhiều lần triệu tập anh Pinăng L đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Ngh, nhưng anh L không đến Tòa án. Vì vậy, từ ngày 03/02/2023 đến ngày 11/5/2023, Tòa án đã nhiều lần niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nơi anh L sinh sống để anh biết đến Tòa án giải quyết vụ, việc. Mặc dù vẫn có mặt ở địa phương, anh L không chấp hành cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Katơr Thị Ng và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Thoa – Trợ giúp viên pháp lý đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Pinăng L không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Pinăng L là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn anh Pinăng L đang cư trú tại Thôn M, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Katơr Thị Ng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Ngh và anh Pinăng L sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó vợ chồng làm ăn sinh sống tại Thôn M, xã P, huyện B cho đến nay, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau. Từ tháng 02/2019 anh L đã bỏ về sống với cha, mẹ ở cùng thôn M và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị Ngh có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Ngh được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Giao cháu Katơr M, sinh ngày 24/8/2011 cho chị Ngh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh L phải cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Ngh được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Katơr Thị D đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Katơr Thị Ng là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Ngh đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Ngh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 19/12/2022, chị Katơr Thị Ng làm đơn đến Tòa án huyện Bác Ái yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Pinăng L. Hiện nay anh L đang cư trú tại Thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận nên Tòa án huyện Bác Ái đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Katơr Thị Ng và anh Pinăng L sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó vợ chồng làm ăn sinh

sống tại Thôn M, xã P, huyện B cho đến nay, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau. Từ tháng 02/2019 anh L đã bỏ về sống với cha, mẹ ở cùng thôn M và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị Ngh có yêu cầu ly hôn thì căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

2.2. Về con chung: Chị Ngh và L có hai người con chung là cháu Katơr Thị D, sinh ngày 02/4/2004 và cháu Katơr M, sinh ngày 24/8/2011. Hiện nay cháu Mạnh đang ở cùng với chị Ngh tại phiên tòa chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mạnh và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của chị Ngh là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Đối với cháu Katơr Thị D đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được nên chị Ngh không có yêu cầu gì nên không xét đến.

2.3.Về tài sản chung: Không có nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Katơr Thị Ng là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Ngh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Katơr Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Katơr Thị Ng được ly hôn với anh Pinăng L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Katơr M, sinh ngày 24/8/2011 cho chị Ngh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Pinăng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Katơr Thị Ng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2023).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Ninh Thuận;
-VKSND huyện;
-Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thiện